



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ II NĂM 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>371,190,095,635</b>	<b>390,455,977,428</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17,115,676,020</b>	<b>23,977,037,895</b>
1. Tiền	111		17,115,676,020	23,977,037,895
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>29,736,402,041</b>	<b>29,736,402,041</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	29,736,402,041	29,736,402,041
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>195,439,299,951</b>	<b>260,471,423,550</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	165,222,460,469	229,787,329,449
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,126,400,633	584,913,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	8,300,000,000	10,700,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	18,790,438,849	19,399,181,101
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>121,795,967,805</b>	<b>67,245,760,825</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	121,795,967,805	67,245,760,825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,102,749,818</b>	<b>9,025,353,117</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,166,576,897	2,663,270,771
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,936,172,921	6,362,082,346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>104,320,718,739</b>	<b>92,121,940,107</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>69,320,297,911</b>	<b>52,874,293,495</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	61,680,000,000	47,680,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7,640,297,911	5,194,293,495
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24,844,316,212</b>	<b>26,004,164,217</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22,127,297,686	23,189,245,695
- Nguyên giá	222		76,383,087,036	76,731,511,852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54,255,789,350)	(53,542,266,157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2,711,701,855	2,806,701,853
- Nguyên giá	225		2,850,000,000	2,850,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(138,298,145)	(43,298,147)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5,316,671	8,216,669
- Nguyên giá	228		360,430,800	360,430,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(355,114,129)	(352,214,131)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>468,057,904</b>	<b>18,186,288</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	468,057,904	18,186,288
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5,592,534,111</b>	<b>8,641,772,129</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	15,000,000,000	15,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27,000,000,000	27,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(36,407,465,889)	(33,358,227,871)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,095,512,601</b>	<b>4,583,523,978</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4,095,512,601	4,583,523,978
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>475,510,814,374</b>	<b>482,577,917,535</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>269,810,089,173</b>	<b>271,228,377,383</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>268,274,755,853</b>	<b>269,155,794,051</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	54,945,277,719	40,231,183,929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		351,766,800	269,581,538
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	894,798,880	4,286,294,280
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7,474,328,000	9,676,823,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5,894,985,793	4,133,577,604
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3,335,795,814	727,428,005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	195,259,538,248	209,830,905,695
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		118,264,599	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,535,333,320</b>	<b>2,072,583,332</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	1,535,333,320	2,072,583,332
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205,700,725,201</b>	<b>211,349,540,152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>205,700,725,201</b>	<b>211,349,540,152</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	17,173,652,728	17,173,652,728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	20,227,132,473	25,875,947,424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,548,988,858	25,875,947,424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5,321,856,385)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>475,510,814,374</b>	<b>482,577,917,535</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Thị Hiền  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUY II NĂM 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
QUY II NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020	Quý II/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	104,417,734,994	87,250,080,453	182,350,629,478	156,070,447,138
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104,417,734,994	87,250,080,453	182,350,629,478	156,070,447,138
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91,363,476,650	74,194,726,266	160,059,286,286	136,196,504,012
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,054,258,344	13,055,354,187	22,291,343,192	19,873,943,126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,229,044,186	1,477,280,470	5,696,689,586	3,258,950,722
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,017,967,129	16,621,546,108	9,340,336,321	18,558,785,229
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,116,312,348	1,869,448,240	4,615,218,113	3,556,848,726
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,346,556,751	3,111,170,272	5,993,780,795	5,659,357,298
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,788,872,803	8,262,074,040	17,825,386,194	15,981,979,756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,870,094,153)	(13,462,155,763)	(5,171,470,532)	(17,067,228,435)
11. Thu nhập khác	31		-	336,526,951	17,714,883	36,526,955
12. Chi phí khác	32	VI.7	100,706	18,704,480	100,736	344,591,142
13. Lợi nhuận khác	40		(100,706)	317,822,471	17,614,147	(308,064,187)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2,870,194,859)	(13,144,333,292)	(5,153,856,385)	(17,375,292,622)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	393,400,125	-	393,400,125
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2,870,194,859)	(13,537,733,417)	(5,153,856,385)	(17,768,692,747)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-


Nguyễn Thị Hiền  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởngTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5,153,856,385)	(17,375,292,622)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	2,159,903,914	2,338,636,394
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	3,049,238,018	14,295,396,422
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(43,145,920)	172,424,868
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(3,961,485,370)	(2,374,705,854)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,698,204,756	3,556,848,726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		748,859,013	613,307,934
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63,011,666,169	15,406,758,337
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54,550,206,980)	(46,029,713,088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16,230,072,749	7,955,501,323
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		984,705,251	(591,507,210)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(4,453,422,756)	(3,468,182,726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3,050,000,000)	(3,079,113,482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	172,741,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20,000,000)	(524,688,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18,901,673,446</b>	<b>(29,544,895,912)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.12	(1,449,927,525)	(1,411,136,363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	-	300,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11,800,000,000)	(25,711,720,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200,000,000	11,027,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	913,661,037	599,908,729
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12,136,266,488)</b>	<b>(15,195,947,634)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	218,792,792,469	201,740,308,858
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(231,970,955,554)	(176,746,606,912)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(365,750,004)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.19	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(13,543,913,089)</i>	<i>24,993,701,946</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(6,778,506,131)</i>	<i>(19,747,141,600)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23,977,037,895	35,426,512,005
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(82,855,744)	20,904,237
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>17,115,676,020</u>	<u>15,700,274,642</u>

Nguyễn Thị Hiền  
Người lập

Lê Thị Tường Hạng  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận trong năm của Công ty sụt giảm so với năm trước chủ yếu là do năm nay Công ty trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Thực phẩm Dary do công ty này hoạt động kinh doanh bị lỗ.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty có 483 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 545 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ năm các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	15

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 14. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	98.396.162	32.909.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.017.279.858	23.944.128.502
<b>Cộng</b>	<b>17.115.676.020</b>	<b>23.977.037.895</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	29.736.402.041	29.736.402.041	29.736.402.041	29.736.402.041
<b>Cộng</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

#### 2b. Đầu tư vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ		Giá gốc	Số đầu kỳ	
		Dự phòng	Giá trị hợp lý		Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>(14.852.173.026)</i>	<i>147.826.974</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>(13.963.750.947)</i>	<i>1.036.249.053</i>
Công ty TNHH SXTMDV Thực phẩm Dasumy <sup>(i)</sup>	15.000.000.000	(14.852.173.026)	147.826.974	15.000.000.000	(13.963.750.947)	1.036.249.053
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>27.000.000.000</i>	<i>(21.799.657.692)</i>	<i>5.200.342.308</i>	<i>27.000.000.000</i>	<i>(19.394.476.924)</i>	<i>7.605.523.076</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	27.000.000.000	(21.555.292.863)	5.444.707.137	27.000.000.000	(19.394.476.924)	7.605.523.076
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(36.407.465.889)</b>	<b>5.592.534.111</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(33.358.227.871)</b>	<b>8.641.772.129</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 ngày 16 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2020, Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2020, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Số đầu năm	33.358.227.871	11.860.712.446
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	3.049.238.018	14.295.396.422
Số cuối kỳ	<b>36.407.465.889</b>	<b>26.156.108.868</b>

#### Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	Quý 2/2020	Quý 2/2019
<b>Công ty TNHH Thực phẩm Dary</b>		
Bán nguyên vật liệu	1.049.147.637	-
Cung cấp dịch vụ gia công	256.216.000	145.392.000
Thuê dịch vụ gia công	4.964.013.115	4.631.611.944
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	1.254.922.966	1.065.419.883
Mua nguyên vật liệu	30.539.326.895	16.458.104.200
Cho vay	3.800.000.000	9.680.000.000
Lãi cho vay	1.630.499.000	977.670.000
<b>Công ty TNHH SX TM DV Thực phẩm Dasumy</b>		
Bán thành phẩm	-	1.798.713.000
Mua nguyên vật liệu	-	33.842.023
Mua thành phẩm	7.870.813	924.975
Cho vay	-	200.000.000
Lãi cho vay	-	13.957.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>9.335.260.816</b>	<b>8.688.353.780</b>
Công ty TNHH SX TM DV Thực phẩm Dasumy	8.100.001.694	8.638.581.780
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	1.235.259.122	49.772.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>155.887.199.653</b>	<b>221.098.975.669</b>
Trangs Group USA Incorporated	43.792.713.947	54.951.271.581
Trangs Food Pty Ltd	18.995.476.419	33.811.020.497
Trangs UK Limited	76.337.293.567	109.314.805.250
Các khách hàng khác	16.761.715.720	23.021.878.341
<b>Cộng</b>	<b>165.222.460.469</b>	<b>229.787.329.449</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18.)

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.18).

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.126.400.633</i>	<i>584.913.000</i>
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	354.338.512	1.298.000
Công ty TNHH Thông Thuận	2.004.343.155	-
Các nhà cung cấp khác	767.718.966	583.615.000
<b>Cộng</b>	<b>3.126.400.633</b>	<b>584.913.000</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>10.700.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay	8.300.000.000	10.500.000.000
Cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy vay	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.300.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>

##### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>61.680.000.000</i>	<i>47.680.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay	61.680.000.000	47.680.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.680.000.000</b>	<b>47.680.000.000</b>

#### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.552.097.000</i>	-	<i>12.578.323.667</i>	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy - Phải thu lãi vay	-	-	5.292.667	-
Cty TNHH Thực Phẩm Dary - Phải thu lãi vay	1.182.097.000	-	573.031.000	-
Cty TNHH Thực Phẩm Dary - Tiền mượn Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu	370.000.000	-	-	-
2.000.000.000	-	-	12.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15.238.341.849</i>	-	<i>6.820.857.434</i>	-
Tạm ứng	1.663.446.000	-	921.700.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.574.895.849	-	5.899.157.434	-
<b>Cộng</b>	<b>18.790.438.849</b>	-	<b>19.399.181.101</b>	-

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>7.152.847.614</b>	-	<b>4.708.796.614</b>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	7.152.847.614	-	4.708.796.614	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>487.450.297</b>	-	<b>485.496.881</b>	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	487.450.297	-	485.496.881	-
<b>Cộng</b>	<b>7.640.297.911</b>	-	<b>5.194.293.495</b>	-

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.490.222.734	-	50.679.508.331	-
Công cụ, dụng cụ	1.014.215.037	-	1.089.695.241	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.238.569.074	-	5.150.797.594	-
Thành phẩm	20.296.549.751	-	10.278.229.477	-
Hàng hóa	-	-	47.530.182	-
Hàng gửi đi bán	2.756.411.210	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121.795.967.805</b>	-	<b>67.245.760.825</b>	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.18).

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	596.585.383	1.129.829.515
Chi phí sửa chữa	316.937.582	453.665.173
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.253.053.932	1.079.776.083
<b>Cộng</b>	<b>2.166.576.897</b>	<b>2.663.270.771</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	439.844.186	662.434.100
Chi phí sửa chữa	71.642.489	257.457.461
Tiền thuê đất	3.548.910.514	3.610.433.122
Các chi phí trả trước dài hạn khác	35.115.412	53.199.295
<b>Cộng</b>	<b>4.095.512.601</b>	<b>4.583.523.978</b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	56.255.917.656	4.394.572.620	1.455.639.737	76.731.511.852
Mua trong năm/kỳ	-	1.000.055.909	-	-	1.000.055.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.348.480.725)	-	-	(1.348.480.725)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>14.625.381.839</b>	<b>55.907.492.840</b>	<b>4.394.572.620</b>	<b>1.455.639.737</b>	<b>76.383.087.036</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.809.213.442	26.285.251.132	2.164.337.165	1.251.679.507	31.510.481.246
Giá trị hao mòn					

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Cộng
Số đầu năm	8.057.934.900	41.244.124.589	2.903.444.823	1.336.761.845	53.542.266.156
Khấu hao trong năm/kỳ	293.557.794	1.480.947.668	266.252.442	21.246.014	2.062.003.918
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.348.480.725)	-	-	(1.348.480.725)
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>8.351.492.694</b>	<b>41.376.591.532</b>	<b>3.169.697.265</b>	<b>1.358.007.859</b>	<b>54.255.789.350</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.567.446.939	15.011.793.067	1.491.127.797	118.877.892	23.189.245.696
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>6.273.889.145</b>	<b>14.530.901.308</b>	<b>1.224.875.355</b>	<b>97.631.878</b>	<b>22.127.297.686</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.591.117.354 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.18).

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.850.000.000	43.298.147	2.806.701.853
Thuê tài chính trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	94.999.998	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>138.298.145</b>	<b>2.711.701.855</b>

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	352.214.131	8.216.669
Nâng cấp trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	2.899.998	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>360.430.800</b>	<b>355.114.129</b>	<b>5.316.671</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.290.800	-	-

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển vào 2421	Cộng
Mua sắm TSCĐ	-	62.077.200	-	62.077.200
Xây dựng cơ bản dở dang	18.186.288	53.900.000	(72.086.288)	-
- Sửa chữa nhà xưởng	18.186.288	53.900.000	(72.086.288)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	417.241.279	(11.260.575)	405.980.704
<b>Cộng</b>	<b>18.186.288</b>	<b>533.218.479</b>	<b>(83.346.863)</b>	<b>468.057.904</b>

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.941.060.101</i>	<i>2.898.309.663</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	16.941.060.101	2.898.309.663
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>38.004.217.618</i>	<i>37.332.874.266</i>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp khác	38.004.217.618	37.332.874.266
<b>Cộng</b>	<b>54.945.277.719</b>	<b>40.231.183.929</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm/kỳ	Số đã thực nộp trong năm/kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	217.689.436	(217.689.436)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.205.035	(6.205.035)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.984.880	-	(3.050.000.000)	821.984.880
Thuế thu nhập cá nhân	414.309.400	824.035.000	(1.165.530.400)	72.814.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.320.000	(9.320.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.286.294.280</b>	<b>1.057.249.471</b>	<b>(4.448.744.871)</b>	<b>894.798.880</b>

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

##### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

##### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.894.985.793</i>	<i>4.133.577.604</i>
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	4.916.874.047	4.071.076.882
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	978.111.746	62.500.722
<b>Cộng</b>	<b>5.894.985.793</b>	<b>4.133.577.604</b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>244.782.000</i>	<i>137.434.000</i>
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	244.782.000	137.434.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.091.013.814</i>	<i>589.994.005</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.893.671.437	285.134.290
Cổ tức phải trả	172.456.000	172.741.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.886.377	132.118.715
<b>Cộng</b>	<b>3.335.795.814</b>	<b>727.428.005</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

### 18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt (i)	8.000.000.000	14.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>187.259.538.248</i>	<i>195.830.905.695</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	186.368.038.240	194.342.622.515
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 (ii)	69.163.877.796	64.564.356.279
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	55.602.118.554	55.424.489.522
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	22.953.631.770
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (iv)	52.300.965.564	41.915.471.544
Vay HD Bank (v)	9.301.076.326	9.484.673.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	160.000.000	756.783.172
Ngân hàng ACB	160.000.000	756.783.172
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	731.500.008	731.500.008
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	731.500.008	731.500.008
<b>Cộng</b>	<b>195.259.538.248</b>	<b>209.830.905.695</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 57.000.000.000 VND và 800.000,00 USD với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 3.000.000,00 USD với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 10.000.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác (CLTG do đánh giá lại số dư CK)	Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ	Giảm khác (chênh lệch tỷ giá phát sinh TK)	Số cuối năm/t
Vay ngắn hạn ngân hàng	194.342.622.515	213.417.094.094	-	2.375.698.375	(222.202.672.374)	(1.564.704.370)	186.368.038.2
Vay ngắn hạn các cá nhân	14.000.000.000	3.000.000.000	-	-	(9.000.000.000)	-	8.000.000.0
Vay dài hạn đến hạn trả	1.488.283.180		537.250.012	-	(1.134.033.184)	-	891.500.0
<b>Cộng</b>	<b>209.830.905.695</b>	<b>216.417.094.094</b>	<b>537.250.012</b>	<b>2.375.698.375</b>	<b>(232.336.705.558)</b>	<b>(1.564.704.370)</b>	<b>195.259.538.2</b>

(\*) Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

#### 18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.535.333.320</b>	<b>2.072.583.332</b>
Vay dài hạn ngân hàng	560.000.000	731.500.008
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	560.000.000	731.500.008
Nợ thuê tài chính	975.333.320	1.341.083.324
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease	975.333.320	1.341.083.324
<b>Cộng</b>	<b>1.535.333.320</b>	<b>2.072.583.332</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia ( Xem thuyết minh V.10).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	891.500.008	1.488.283.180
Từ 01 năm đến 05 năm	1.535.333.320	2.072.583.332
<b>Cộng</b>	<b>2.426.833.328</b>	<b>3.560.866.512</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	731.500.008	-	-	(171.500.008)	560.000.000
Nợ thuê tài chính	1.341.083.324	-	-	(365.750.004)	975.333.320
<b>Cộng</b>	<b>2.072.583.332</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(537.250.012)</b>	<b>1.535.333.320</b>

#### 18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 19. Vốn chủ sở hữu

### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	26.826.083.902	212.299.676.630
Lợi nhuận trong kỳ/năm trước	-	-	(17.768.692.747)	(17.768.692.747)
Trích lập các quỹ	-	-	(358.310.202)	(358.310.202)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-
Trích thù lao HĐQT	-	-	(224.400.000)	(224.400.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>8.474.680.953</u>	<u>193.948.273.681</u>
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	25.875.947.424	211.349.540.152
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	(5.153.856.385)	(5.153.856.385)
Trích lập các quỹ	-	-	(326.958.566)	(326.958.566)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-
Trích thù lao HĐQT	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>20.227.132.473</u>	<u>205.700.725.201</u>

### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>168.299.940.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000	-
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000	-
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000	-
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000	-
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>100,00</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TFC ngày 30 tháng 6 năm 2020 với số tiền là 326.958.566 VND.

Ngoài ra, Công ty cũng đã trích thù lao của Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 168.000.000 VND.

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	430.564,68	809.804,57
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,89	4,89

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Doanh thu bán thành phẩm	103.147.961.154	87.080.018.449
Doanh thu khác	1.269.773.840	170.062.004
<b>Cộng</b>	<b><u>104.417.734.994</u></b>	<b><u>87.250.080.453</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	78.840.929	111.711.513
Lãi tiền cho vay	1.630.499.000	1.003.002.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	476.558.337	362.566.957
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	43.145.920	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.229.044.186</u></b>	<b><u>1.477.280.470</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Chi phí lãi vay	2.116.312.348	1.869.448.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	812.177.151	284.276.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	172.424.868
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.049.238.018	14.295.396.422
Chi phí thuê tài chính	40.239.612	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.017.967.129</u></b>	<b><u>16.621.546.108</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	354.658.267	306.239.518
Chi phí vật liệu, bao bì	206.701.735	294.762.217
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.654.994	27.203.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.487.108	2.487.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.800.889.756	1.503.007.757
Các chi phí khác	979.164.891	977.470.581
<b>Cộng</b>	<b><u>3.346.556.751</u></b>	<b><u>3.111.170.272</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	6.213.737.402	5.196.446.326
Chi phí vật liệu quản lý	770.000	
Chi phí đồ dùng văn phòng	370.281.850	353.669.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.530.020	155.465.059
Thuế, phí và lệ phí	150.485.491	144.623.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.152.462	610.091.726
Các chi phí khác	1.470.915.578	1.801.777.343
<b>Cộng</b>	<b><u>8.788.872.803</u></b>	<b><u>8.262.074.040</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Các chi phí khác	100.706	18.704.480
<b>Cộng</b>	<b><u>100.706</u></b>	<b><u>18.704.480</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý II/2020</u>	<u>Quý II/2019</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.576.612.881	56.036.871.983
Chi phí nhân công	20.912.908.650	21.433.326.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.714.730	1.146.359.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.378.967.977	5.979.853.547
Chi phí khác	4.993.348.811	3.698.808.519
<b>Cộng</b>	<b><u>106.892.553.049</u></b>	<b><u>88.295.219.811</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	3.000.000.000	14.000.000.000
Chi phí lãi vay	382.999.000	154.000.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.6a, V.17 và V.18.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong năm là 1.104.900.000 VND (năm trước là 1.232.682.000 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy	Công ty con

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hiền  
Người lập



Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc